

Số:/BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
Dự thảo Nghị định của Chính phủ về chế độ quản lý tài
chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Bộ Tài chính trình Chính phủ Báo cáo đánh giá tác động của Nghị định của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định) như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

- Tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, Chính phủ giao Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ tài chính cho NHCSXH. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg.

- Tại Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW và Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/1/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển NHCSXH đến năm 2030, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu, sửa đổi, xây dựng các văn bản liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH), trong đó có việc hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với NHCSXH.

- Tuy nhiên, tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024), Quốc hội quy định: cơ chế tài chính, tiền lương, tổ chức lại, giải thể, kiểm tra, thanh tra, giám sát ngân hàng chính sách và các nội dung khác có liên quan đến ngân hàng chính sách thực hiện theo quy định của Chính phủ.

- Theo đó thẩm quyền ban hành quy chế quản lý tài chính hiện nay đối với NHCSXH cần phải sửa đổi cho phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

- Ngoài ra, Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg đã tạo hành lang pháp lý cho hoạt động quản lý tài chính của NHCSXH thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan; khuyến khích NHCSXH chủ động trong việc quản lý, sử dụng các nguồn lực được giao để thực hiện tín dụng chính sách, cũng như tạo nguồn lực cho việc đầu tư mua sắm tài sản cố định, ứng dụng công nghệ thông tin và hiện đại hóa hoạt động của NHCSXH. Tuy nhiên, một số nội dung quy định về quản lý tài chính đối với NHCSXH quy định tại Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg đã phát sinh một số vướng mắc, bất cập cần được tháo gỡ để phù hợp với tình hình thực tế (như quy định về trích lập dự phòng rủi ro, xử lý chênh lệch thu chi, chế độ kiểm toán, trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước và NHCSXH..).

Từ tình hình trên, việc ban hành Nghị định thay thế Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg là cần thiết để phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và các quy định pháp luật liên quan; đồng thời khắc phục tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện quy chế quản lý tài chính của NHCSXH thời gian qua để nâng cao năng lực tài chính giúp NHCSXH thực hiện tốt tín dụng chính sách trong thời gian tới.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Việc ban hành Nghị định thay thế Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và Chiến lược phát triển NHCSXH đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 05/QĐ-TTg; đồng thời nhằm xử lý các tồn tại, hạn chế trong quá trình hoạt động của NHCSXH thời gian qua; qua đó nâng cao năng lực tài chính cho NHCSXH để thực hiện tốt hơn nữa chương trình xóa đói, giảm nghèo và chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Bộ Tài chính xây dựng Nghị định trên cơ sở tiếp tục duy trì những nội dung còn phù hợp tại Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg; đồng thời, xem xét, nghiên cứu bổ sung những quy định mới để hoàn thiện Nghị định nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý, khắc phục những hạn chế, tồn tại trên cơ sở rà soát, đánh giá trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện cơ chế tài chính của NHCSXH trong thời gian qua để đảm bảo phù hợp, thống nhất với các quy định của pháp luật có liên quan và nâng cao năng lực tài chính cho NHCSXH đúng như chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Bộ Tài chính xin báo

cáo đánh giá tác động của một số chính sách tại Nghị định như sau:

1. Chính sách 1: Về nguyên tắc quản lý tài chính

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo quy định tại Điều 16, Điều 23 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024), ngân hàng chính sách hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước; được Nhà nước đảm bảo khả năng thanh toán; được cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý; được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước (NSNN) khác theo quy định của pháp luật; không phải thực hiện dự trữ bắt buộc; không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi. Tuy nhiên, quy định về nguyên tắc quản lý tài chính của NHCSXH tại Điều 2 Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg chưa đồng bộ với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Xây dựng nguyên tắc quản lý tài chính của NHCSXH tại Nghị định đảm bảo đồng bộ, thống nhất với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

1.3.1. Giải pháp 1: Ban hành trên cơ sở giữ nguyên, không sửa đổi quy định về nguyên tắc quản lý tài chính đối với NHCSXH tại Điều 2 Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg.

1.3.2. Giải pháp 2: Ban hành quy định về nguyên tắc quản lý tài chính đối với NHCSXH tại Nghị định đồng bộ với quy định về bảo đảm hoạt động của ngân hàng chính sách tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

1.4.1. Đánh giá tác động của giải pháp 1: Không đảm bảo đồng bộ, thống nhất với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

1.4.2. Đánh giá tác động của giải pháp 2: Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

1.5. Kiến nghị lựa chọn giải pháp

- Sau khi cân nhắc các chi phí, lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 vì giải pháp này có những lợi ích hết sức rõ ràng như đã báo cáo ở trên.

- Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ.

2. Chính sách 2: Về vốn điều lệ cho NHCSXH

2.1. Xác định vấn đề bất cập

- Theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg, Quyết định số

30/2015/QĐ-TTg và Thông tư số 62/2016/TT-BTC, vốn điều lệ của NHCSXH do NSNN cấp khi thành lập và được bổ sung hàng năm tương ứng với tỷ lệ tăng trưởng tín dụng được Thủ tướng Chính phủ giao. Bên cạnh đó thời gian qua, việc sử dụng vốn điều lệ do NSNN cấp của NHCSXH tương đối hiệu quả, tuy nhiên quy định của pháp luật chưa có quy định việc cấp vốn điều lệ cho NHCSXH phải căn cứ vào hiệu quả hoạt động như doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ khác.

- Ngoài ra, theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg, Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg và Thông tư số 62/2016/TT-BTC, NHCSXH có thể được bổ sung vốn điều lệ từ Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ bổ sung vốn điều lệ, tuy nhiên chưa quy định cụ thể quy trình điều chuyển vốn từ Quỹ bổ sung vốn điều lệ.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Trên cơ sở quy định tại Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg, Bộ Tài chính xây dựng quy định về vốn điều lệ và quy trình bổ sung vốn điều lệ cho NHCSXH để phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng 2024 và thực tế hoạt động của NHCSXH.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

2.3.1. Giải pháp 1: Ban hành trên cơ sở giữ nguyên, không sửa đổi quy định về nguyên tắc quản lý tài chính đối với NHCSXH tại Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg.

2.3.2. Giải pháp 2:

Xây dựng quy định về vốn điều lệ theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, cụ thể: Ban hành quy định cụ thể về quy trình bổ sung vốn điều lệ cho NHCSXH tại Nghị định trên nguyên tắc: (i) Bổ sung vốn điều lệ hàng năm để đạt tỷ lệ tăng trưởng vốn điều lệ bằng với tỷ lệ tăng trưởng dư nợ tín dụng chính sách của Nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: Không có lỗ lũy kế tại thời điểm cuối năm liền kề trước năm xây dựng dự toán bổ sung vốn điều lệ và Ít nhất 01 (một) trong 03 (ba) năm liền kề trước năm xây dựng dự toán bổ sung vốn điều lệ có kết quả xếp loại đạt từ loại B trở lên¹; (ii) Bổ sung vốn điều lệ từ các quỹ trích lập sau chênh lệch thu chi (Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ bổ sung vốn điều lệ) của NHCSXH.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

2.4.1. Đánh giá tác động của giải pháp 1:

- Việc không quy định bổ sung vốn điều lệ cho NHCSXH căn cứ vào hiệu quả hoạt động như doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sẽ

¹ Việc cấp bổ sung vốn điều lệ khi đảm bảo điều kiện về kết quả xếp loại được vận dụng trên cơ sở quy định đối với công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ tại Điều 8 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, trong đó có điều chỉnh để phù hợp với tính chất hoạt động phục vụ các đối tượng chính sách của NHCSXH.

không đảm bảo nguồn vốn NSNN. Ngoài ra, việc chưa quy định về quy trình bổ sung vốn điều lệ từ các Quỹ chưa có cơ sở điều chuyển vốn từ các Quỹ sang vốn điều lệ để tăng năng lực tài chính cho NHCSXH.

2.4.2. Đánh giá tác động của giải pháp 2

- Việc quy định cụ thể về vốn điều lệ, quy trình bổ sung vốn điều lệ cho NHCSXH là phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, đồng thời đảm bảo hiệu quả sử dụng nguồn vốn từ NSNN.

- Ngoài ra, việc quy định quy trình bổ sung vốn điều lệ từ các quỹ trích lập sau chênh lệch thu chi (quỹ đầu tư phát triển và quỹ bổ sung vốn điều lệ) của NHCSXH sẽ tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để NHCSXH xử lý số dư các Quỹ này.

- Phương án này có nhược điểm là có thể phát sinh quy trình, thủ tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung vốn điều lệ cho NHCSXH.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Sau khi cân nhắc các lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 là quy định về vốn điều lệ theo đúng quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và quy định cụ thể điều kiện về quy trình bổ sung vốn điều lệ cho NHCSXH vì giải pháp này có những lợi ích rõ ràng như đã báo cáo ở trên.

- Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ.

3. Chính sách 3: Về giới hạn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định

3.1. Xác định vấn đề bất cập

- Theo quy định hiện hành tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg, NHCSXH thực hiện việc đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 25% vốn điều lệ thực có và tuân thủ theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và theo kế hoạch được Hội đồng quản trị thông qua.

- Hiện nay, giá trị quyền sử dụng đất của NHCSXH được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất, được nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm và được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê là khoảng gần 4.400 tỷ đồng (tính đến 31/12/2023). Căn cứ quy định tại Luật quản lý tài sản công năm 2017 (Điều 113) và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP² (khoản 4 Điều 88), NHCSXH

² Khoản 4 Điều 88 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý tài sản công quy định việc quản lý, sử dụng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước cho thuê đất và được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê mà không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương VII của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan. Điều 113 Mục 1 Chương VII Luật quản lý tài sản công quy định “Cơ quan, tổ chức, đơn vị được Nhà nước giao đất, cho thuê đất phải hạch toán giá trị quyền sử dụng đất. Trường hợp được Nhà nước giao đất

đang ghi nhận toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất nêu trên và hạch toán theo dõi tài sản cố định vô hình, đồng thời hàng năm thực hiện điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do việc quản lý và sử dụng quyền sử dụng đất được Nhà nước giao hoặc cho thuê (nhưng miễn tiền sử dụng đất/tiền thuê đất nêu trên) trong bối cảnh NHCSXH bị giới hạn tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định (không phân biệt loại hình tài sản cố định) dẫn đến vướng mắc lớn khi địa phương điều chỉnh đơn giá đất tăng lên thì tổng giá trị còn lại của tài sản cố định của NHCSXH có thể sẽ vượt mức tối đa theo quy định.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Ban hành quy định về giới hạn đầu tư, mua sắm tài sản cố định của NHCSXH đảm bảo cho NHCSXH có đủ nguồn để đầu tư mua sắm tài sản cố định và phù hợp với tình hình thực tế

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) *Giải pháp 1:* Ban hành Nghị định trên cơ sở giữ nguyên, không sửa đổi quy định về giới hạn đầu tư, mua sắm tài sản cố định của NHCSXH tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg.

b) *Giải pháp 2:* Quy định về về giới hạn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định của NHCSXH theo hướng tổng giá trị còn lại của toàn bộ tài sản cố định không vượt quá 25% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; đồng thời khi xác định giá trị còn lại của tài sản cố định theo tỷ lệ tối đa được loại trừ giá trị tài sản cố định là giá trị quyền sử dụng đất của NHCSXH được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất, được nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất, miễn tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

- Đánh giá tác động của giải pháp 1: Có thể phát sinh vướng mắc về giới hạn đầu tư vào tài sản cố định, theo đó có thể không đảm bảo dư địa để đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin cho NHCSXH trong thời gian tới.

- Đánh giá tác động của giải pháp 2: Đảm bảo loại trừ tác động của các yếu tố khách quan và giải quyết được vướng mắc phát sinh trong thời gian qua của cả 2 ngân hàng chính sách (trong đó có NHCSXH).

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Sau khi cân nhắc lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2.

- Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ

4. Chính sách 4: Về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

4.1. Xác định vấn đề bất cập

- Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước, tổ chức tài chính quy mô nhỏ thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam³; trong đó: (i) nợ cho vay được phân loại thành 05 nhóm; (ii) trích lập dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm: dự phòng chung (duy trì bằng 0,75% tổng số dư các khoản nợ nhóm 1 đến nhóm 4) và dự phòng cụ thể với tỷ lệ theo từng nhóm nợ.

- Hiện nay, NHCSXH thực hiện phân loại nợ theo Quyết định số 976/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ; theo đó, phân loại nợ theo trạng thái nợ bao gồm: (i) nợ trong hạn, (ii) nợ quá hạn; (iii) nợ khoanh. Việc phân loại nợ của NHCSXH hiện nay chưa phản ánh thực chất nợ xấu tại NHCSXH, dẫn đến khó quản lý chất lượng tín dụng tại NHCSXH.

- Mức trích lập dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm: (i) dự phòng chung (mức trích hằng năm bằng 0,75% dư nợ cho vay không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh) do ngân sách nhà nước cấp được tính toán trong phí quản lý; (ii) dự phòng cụ thể (mức trích trên cơ sở kết quả phân loại nợ và khả năng tài chính của NHCSXH). Mức trích lập dự phòng rủi ro theo quy định hiện nay chưa đảm bảo đủ nguồn để xử lý rủi ro đối với các khoản nợ xấu của NHCSXH; đồng thời, chưa tạo động lực để NHCSXH quản trị tốt chất lượng tín dụng từ đó làm giảm chi phí trích lập dự phòng, giảm chi ngân sách nhà nước.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý Nhà nước theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; đảm bảo tính đồng bộ về chính sách; đồng thời đảm bảo an toàn trong hoạt động, hướng tới phát triển bền vững NHCSXH.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) *Giải pháp 1:* Ban hành Nghị định trên cơ sở giữ nguyên, không sửa đổi quy định về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tại NHCSXH tại Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg.

b) *Giải pháp 2:* Trên cơ sở quy định của pháp luật đối với các tổ chức tín dụng và NHPT, ban hành quy định về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tại NHCSXH theo hướng:

- Về phân loại nợ và theo dõi số dự phòng rủi ro tín dụng cần phải trích lập:

³ Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 quy định phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 15/2010/TT-NHNN ngày 16/6/2010 quy định phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay trong hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

+ Đối với các khoản cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác tại NHCSXH (không bao gồm các khoản vay thực hiện theo hợp đồng ủy thác và các khoản vay NHCSXH không phải trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của Nhà nước): NHCSXH thực hiện phân loại nợ và xác định, theo dõi số dự phòng rủi ro tín dụng cần phải trích lập để đảm bảo an toàn hoạt động theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Đối với các khoản vay NHCSXH thực hiện theo hợp đồng ủy thác: NHCSXH phân loại nợ và xác định, theo dõi số dự phòng rủi ro tín dụng cần phải trích lập theo hợp đồng ủy thác. Trường hợp hợp đồng ủy thác không quy định về phân loại nợ và xác định, theo dõi dự phòng rủi ro tín dụng cần phải trích lập, NHCSXH thực hiện theo quy định đối với các khoản cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác tại NHCSXH nêu trên.

- Về trích lập dự phòng rủi ro: Để phù hợp với hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận và các nhiệm vụ được giao hiện nay của NHCSXH, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với NHCSXH như sau:

+ Đối với các khoản cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác tại NHCSXH (không bao gồm các khoản vay thực hiện theo hợp đồng ủy thác và các khoản vay không phải trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của Nhà nước): Hằng năm, NHCSXH trích lập dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tổng dư nợ các khoản vay này. Ngoài ra, NHCSXH căn cứ tình hình tài chính để quyết định mức trích bổ sung, đảm bảo tổng số dư Quỹ dự phòng rủi ro đối với các khoản vay này không vượt quá mức cần phải trích lập theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Đối với các khoản vay NHCSXH thực hiện theo hợp đồng ủy thác: NHCSXH sử dụng nguồn thu từ hoạt động nhận ủy thác để thực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo hợp đồng ủy thác. Trường hợp hợp đồng ủy thác không quy định việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, NHCSXH sử dụng nguồn thu từ hoạt động nhận ủy thác để thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng như quy định đối với các khoản cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác tại NHCSXH.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

- Đánh giá tác động của giải pháp 1: Chưa đảm bảo tính đồng bộ về thẩm quyền ban hành quy định phân loại nợ tại NHCSXH, chưa phản ánh thực chất nợ xấu của NHCSXH, đồng thời chưa tạo động lực để NHCSXH quản trị tốt chất lượng tín dụng.

- Đánh giá tác động của giải pháp 2:

+ Việc giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn phân loại nợ và xác định, theo dõi số dự phòng rủi ro tín dụng cần phải trích lập trên nguyên tắc đảm bảo an toàn hoạt động của NHCSXH sẽ góp phần tăng cường quản trị rủi ro

và đảm bảo an toàn trong hoạt động của NHCSXH; đồng thời đảm bảo thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý Nhà nước, đồng bộ về mặt cơ chế chính sách.

+ Mức trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo giải pháp này sẽ hướng tới đảm bảo đủ nguồn để xử lý rủi ro đối với các khoản nợ xấu; đồng thời giảm chi phí cho NSNN (NHCSXH tự cân đối tài chính để trích lập bổ sung dự phòng rủi ro tín dụng).

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Sau khi cân nhắc lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2.

- Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ.

5. Chính sách 5: Cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý

5.1. Xác định vấn đề bất cập

- Theo quy định hiện hành tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg, mức cấp bù chênh lệch lãi suất hàng năm đối với NHCSXH được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa lãi suất hòa đồng các nguồn vốn (có tính đến tỷ lệ tồn ngân tối đa theo quy định của Bộ Tài chính) với lãi suất cho vay và dư nợ cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định của pháp luật. Phương pháp tính số cấp bù lãi suất này có thể làm giảm độ chính xác do phải làm tròn số nhiều lần.

- Việc xây dựng mức phí quản lý tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg (đảm bảo cho NHCSXH chủ động trong chi tiêu, đủ nguồn kinh phí hoạt động và có tính đến trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và rủi ro tỷ giá) chưa thực sự phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc không sử dụng NSNN để xử lý rủi ro tín dụng; đồng thời chưa tạo động lực để NHCSXH quản lý tốt hơn chất lượng tín dụng. Ngoài ra, quy định hiện hành tại Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg chưa quy định cụ thể phương án xử lý đối với trường hợp số tiền cấp bù lãi suất cao hơn số phí quản lý được cấp.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Ban hành quy định về cấp bù lãi suất và phí quản lý quản lý của NHCSXH đảm bảo phù hợp với thực tế hoạt động của NHCSXH và khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện quy chế quản lý tài chính của NHCSXH thời gian qua.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

5.3.1. Giải pháp 1: Ban hành Nghị định trên cơ sở giữ nguyên, không sửa đổi quy định về cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý của NHCSXH tại

Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg.

5.3.2. *Giải pháp 2*: Ban hành quy định về cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý của NHCSXH tại Nghị định theo hướng:

- Số cấp bù chênh lệch lãi suất được xác định theo phương pháp trực tiếp: được xác định trên cơ sở chênh lệch vượt giữa tổng chi phí cho việc huy động vốn với tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn khi thực hiện nhiệm vụ cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp tổng chi phí cho việc huy động vốn nhỏ hơn tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn khi thực hiện các nhiệm vụ cho vay được cấp bù (không được NSNN cấp bù chênh lệch lãi suất) thì phần chênh lệch được xử lý theo thứ tự sau: (i) khấu trừ vào phí quản lý được cấp trong năm của NHCSXH theo quy định; (ii) phần còn lại (nếu có) được hòa đồng vào thu nhập của NHCSXH.

- Xây dựng nguyên tắc xác định tỷ lệ phí quản lý đảm bảo cho NHCSXH trang trải đủ nguồn chi phí cho các nhiệm vụ được cấp phí quản lý, không bao gồm chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, đảm bảo phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước; đồng thời đảm bảo tính đồng bộ giữa 02 ngân hàng chính sách của Nhà nước (NHCSXH và NHPT).

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

5.4.1. Đánh giá tác động của giải pháp 1:

Không khắc phục được các vấn đề bất cập cần giải quyết liên quan đến cấp bù lãi suất và phí quản lý của NHCSXH.

5.4.2. Đánh giá tác động của giải pháp 2:

- Việc xác định số cấp bù chênh lệch lãi suất theo phương pháp trực tiếp nêu trên đảm bảo tính chính xác hơn do không phải làm tròn số nhiều lần.

- Việc xây dựng phí quản lý cho NHCSXH không bao gồm chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng bước đầu có thể gây khó khăn cho NHCSXH trong việc cân đối nguồn tài chính để đảm bảo trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đầy đủ theo quy định nhưng sẽ tạo động lực để NHCSXH quản lý tốt hơn chất lượng tín dụng để giảm chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; đồng thời sẽ giảm cấp phí quản lý từ NSNN, tiến tới để NHCSXH tự chủ tài chính theo đúng nguyên tắc quản lý tài chính đối với NHCSXH đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Sau khi cân nhắc lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 là xây dựng quy định về cấp bù chênh lệch lãi suất theo phương pháp trực tiếp, xây dựng nguyên tắc về phí quản lý không bao gồm chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và quy định cụ thể về trường hợp tổng chi phí cho việc huy động vốn nhỏ hơn tổng thu nhập từ việc sử dụng vốn khi thực hiện các nhiệm vụ cho vay được cấp bù để tạo căn cứ pháp lý đồng bộ, đầy đủ,

rõ ràng để NHCSXH triển khai thực hiện.

- Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ.

6. Chính sách 6: Về phân phối kết quả tài chính của NHCSXH

6.1. Xác định vấn đề bất cập

- Theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg, trường hợp thu nhập lớn hơn chi phí và sau khi bù đắp khoản thâm hụt từ những năm trước (nếu có), NHCSXH thực hiện trích 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, 10% vào quỹ dự phòng tài chính (tối đa 25% vốn điều lệ), 10% vào quỹ đầu tư phát triển (sau khi trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính).

- Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, hằng năm tổ chức tín dụng phải trích lập từ lợi nhuận sau thuế để lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (10% lợi nhuận sau thuế), quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự trữ khác theo quy định. Ngoài ra, hiện nay, Bộ Tài chính đang chủ trì xây dựng Nghị định quy định chi tiết chế độ tài chính, doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó dự kiến tỷ lệ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế như sau: Tỷ lệ trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 10%, tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển là 20% và tỷ lệ trích quỹ dự phòng tài chính là 10%.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Ban hành quy định phân phối kết quả tài chính của NHCSXH đảm bảo đồng bộ quy định chung đối với tổ chức tín dụng, đồng thời phù hợp với tính chất hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận của NHCSXH nhằm tăng cường năng lực tài chính cho NHCSXH.

6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

6.3.1. Giải pháp 1: Ban hành Nghị định trên cơ sở giữ nguyên, không sửa đổi quy định về phân phối kết quả tài chính của NHCSXH tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg.

6.3.2. Giải pháp 2: Ban hành quy định về phân phối kết quả tài chính tại Nghị định theo tỷ lệ: tỷ lệ trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 10%, tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển là 30% và tỷ lệ trích quỹ dự phòng tài chính là 10%.

6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

6.4.1. Đánh giá tác động của giải pháp 1:

Chưa đồng bộ với quy định chung đối với tổ chức tín dụng và chưa tăng cường nguồn lực từ việc bổ sung từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ đầu tư phát triển để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác cho NHCSXH.

6.4.2. Đánh giá tác động của giải pháp 2:

- Đảm bảo đồng bộ quy định với các tổ chức tín dụng về phân phối kết quả tài chính.

- Việc tăng tỷ lệ trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ đầu tư phát triển so với quy định hiện nay sẽ tăng nguồn để bổ sung vốn điều lệ cho NHCSXH từ 02 quỹ này, từ đó tăng cường năng lực tài chính để thực hiện chính sách an sinh xã hội của Nhà nước.

6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Sau khi cân nhắc lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 để tạo căn cứ pháp lý đồng bộ, đầy đủ, rõ ràng, đồng thời phù hợp với tính chất hoạt động của NHCSXH

- Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ.

7. Chính sách 7: Về chế độ kế toán, kiểm toán của NHCSXH

7.1. Xác định vấn đề bất cập

- Theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg, NHCSXH thực hiện hạch toán thu nhập, chi phí theo phương pháp kế toán dồn tích, riêng đối với khoản thu lãi cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác, NHCSXH thực hiện hạch toán theo phương pháp thực thu; đồng thời, sau 5 (năm) năm kể từ ngày Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành, NHCSXH báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chuyển đổi sang phương pháp kế toán dồn tích. Hiện nay, hầu hết các tổ chức tín dụng đều đã thực hiện theo kế toán dồn tích quy định tại Luật Kế toán và các quy định pháp luật liên quan đảm bảo việc ghi nhận doanh thu từ hoạt động tín dụng theo các chuẩn mực kế toán hiện hành. Hiện nay, NHCSXH đang báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chuyển đổi việc hạch toán khoản thu lãi cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác sang phương pháp kế toán dồn tích, trong đó NHCSXH đề xuất cần có lộ trình để chuẩn bị các điều kiện đồng bộ để chuyển đổi.

- Khoản 4 Điều 21 Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg quy định Báo cáo tài chính của NHCSXH do Kiểm toán Nhà nước thực hiện. Tuy nhiên, việc kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước thực hiện theo Kế hoạch kiểm toán hằng năm của Kiểm toán Nhà nước, không thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Ban hành quy định về chế độ kế toán, kiểm toán của NHCSXH đảm bảo hướng tới tính đồng bộ, thống nhất với Luật Kế toán, Luật Kiểm toán và các quy định của pháp luật liên quan; đồng thời, khắc phục những tồn tại, hạn chế, vướng mắc trong triển khai quy chế quản lý tài chính tại Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg.

7.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

7.3.1. *Giải pháp 1*: Ban hành Nghị định trên cơ sở giữ nguyên, không sửa đổi quy định về chế độ kế toán, kiểm toán của NHCSXH tại Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg.

7.3.2. *Giải pháp 2*: Ban hành quy định về chế độ kế toán, kiểm toán tại Nghị định theo hướng:

- Quy định sau 3 (ba) năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, NHCSXH phải thực hiện hạch toán các khoản thu lãi cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo phương pháp kế toán dồn tích.

- Quy định Báo cáo tài chính hằng năm của NHCSXH được kiểm bởi Kiểm toán Nhà nước theo quy định của pháp luật; đồng thời kết quả kiểm toán báo cáo tài chính phải gửi Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

7.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

7.4.1. Đánh giá tác động của giải pháp 1:

Không khắc phục được các vấn đề bất cập cần giải quyết liên quan đến việc hạch toán các khoản thu lãi cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác và kiểm toán Báo cáo tài chính để thực hiện phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh như quy định về quy chế quản lý tài chính của NHCSXH hiện nay.

7.4.2. Đánh giá tác động của giải pháp 2:

- Việc quy định cụ thể lộ trình chuyển đổi hạch toán thu nhập, chi phí của NHCSXH theo phương pháp kế toán dồn tích đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với Chuẩn mực Kế toán và các quy định của pháp luật có liên quan cũng như phù hợp thực tế triển khai tại NHCSXH.

- Việc quy định Báo cáo tài chính của NHCSXH được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước theo quy định của pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về Kiểm toán và tình hình thực tế.

7.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Sau khi cân nhắc lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 để tạo căn cứ pháp lý đồng bộ, đầy đủ, rõ ràng, đồng thời phù hợp với thực tế hoạt động của NHCSXH

- Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ.

8. Chính sách 8: Về trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước và của NHCSXH

8.1. Xác định vấn đề bất cập

Khoản 3 Điều 16 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với hoạt động của ngân hàng chính sách (NHCSXH và NHPT). Tuy nhiên, Quyết

định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của các Bộ, ngành cũng như NHCSXH trong việc quản lý tài chính đối với NHCSXH.

8.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Ban hành quy định về trách nhiệm của các Bộ, ngành và NHCSXH trong việc quản lý tài chính đối với NHCSXH trên cơ sở các quy định của pháp luật về chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành (bao gồm Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) và NHCSXH.

7.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

8.3.1. *Giải pháp 1:* Ban hành Nghị định không quy định về trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước và NHCSXH như tại Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg.

8.3.2. *Giải pháp 2:* Xây dựng và ban hành quy định cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước và NHCSXH theo hướng:

- Đối với Bộ Tài chính: (i) Hướng dẫn các nội dung được giao quy định tại Nghị định; (ii) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ngân hàng Chính sách xã hội trình Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định của Nghị định này (nếu cần thiết); (iii) Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, NHCSXH và các Bộ, ngành có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ phí quản lý ổn định cho từng thời kỳ (03 năm) theo quy định của pháp luật; (iv) Thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý, vốn điều lệ và các khoản cấp khác theo quy định; (v) Thực hiện thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính theo quy định của pháp luật về thanh tra; (vi) Giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả và xếp loại Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Nghị định này; (vii) Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao tại Nghị định.

- Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư: (i) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan liên quan: Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt việc cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý, vốn điều lệ và nguồn tài chính khác trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm cho NHCSXH và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định giao kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển hàng năm cho NHCSXH theo quy định; (ii) Phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: (i) Chủ trì, phối hợp với bộ, ngành liên quan hướng dẫn Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện phân loại nợ theo quy định; (ii) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình hoạt động của NHCSXH

hàng năm theo quy định; (iii) Phối hợp với Bộ ngành liên quan để thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định này và quy định pháp luật khác có liên quan.

- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: (i) Phê duyệt phương án trích quỹ thưởng quản lý của NHCSXH; (ii) Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định này.

- Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp: Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của NHCSXH theo chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật.

- NHCSXH: (i) Chịu trách nhiệm toàn diện trước các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và pháp luật trong việc triển khai thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan; (ii) Xây dựng và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật; (iii) Báo cáo Bộ Tài chính để phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trình Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định của Nghị định này (nếu cần thiết).

8.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

8.4.1. *Đánh giá tác động của giải pháp 1:* Không đảm bảo đồng bộ, thống nhất với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

8.4.2. *Đánh giá tác động của giải pháp 2:* Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; đồng thời tạo hành lang pháp lý để các Bộ, ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước và NHCSXH thực hiện trách nhiệm trong quản lý tài chính đối với NHCSXH

8.5. Kiến nghị lựa chọn giải pháp

- Sau khi cân nhắc các chi phí, lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 vì giải pháp này có những lợi ích hết sức rõ ràng như đã báo cáo ở trên.

- Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Chính phủ.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

.....

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

.....

(Nội dung mục III và IV sẽ được tổng hợp trên cơ sở ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan liên quan)

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của một số chính sách tại dự thảo

Nghị định của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính đối với NHCSXH. Kính trình Chính phủ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phúc (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Thanh tra Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Lưu: VT, Vụ TCNH (N.T.H.Lanh - b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Chi